

Số: 1325/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 5 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA
Về công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí
tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải.

Thực hiện Quyết định số 14/QĐ-STC ngày 06/3/2020 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn ngân sách và các nguồn thu khác tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 18/BC-ĐTTr ngày 22/4/2020 của Đoàn Thanh tra về việc thanh tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải (gọi tắt là đơn vị); Ý kiến giải trình của đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Tổng quan về đơn vị trong 2 năm 2018 và 2019

- UBND Thị trấn Khánh Hải là xã đồng bằng, là trung tâm của huyện Ninh Hải, cách thành phố Phan Rang Tháp Chàm 05 Km về phía Đông, phía Đông giáp biển, phía Tây và phía Nam giáp phường Văn Hải, phía Bắc giáp xã Tri Hải; có diện tích tự nhiên 1.118,02 ha, trong đó: đất nông nghiệp: 371,94 ha chiếm 33,27%; đất phi nông nghiệp: 692,77 ha chiếm 61,96%; đất chưa sử dụng: 53,31 ha chiếm 4,77% tổng diện tích đất tự nhiên. Dân số 17.447 khẩu/4.579 hộ đa số là dân tộc kinh, một số ít là người Việt gốc Hoa, gồm có 10 Khu phố, 84 tổ nhân dân tự quản, 10 tổ bảo vệ dân phố. Tổng số hộ nghèo toàn thị trấn là 86 hộ; chiếm tỷ lệ 1,54%;

- UBND Thị trấn Khánh Hải là đơn vị hành chính nhà nước loại I (Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận), hoạt động quản lý hành chính mọi mặt chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh – quốc phòng tại địa phương;

- UBND Thị trấn Khánh Hải được đảm bảo giao quản lý nguồn thu ngân sách trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao định mức và chỉ tiêu biên chế hoạt động hàng năm, tổng số biên chế hiện tại là 21/23 cán bộ chuyên trách và công chức ở các ban ngành, đoàn thể có liên quan.

II. Về công tác tổ chức tài chính – kế toán

Bộ phận tài chính – kế toán bố trí 01 người làm công tác chuyên môn nghiệp vụ về quản lý công tác thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.

CỘNG H

III. Chế độ chính sách về tài chính

UBND thị trấn áp dụng chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ngân sách và Tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC; Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường thị trấn; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Tình hình hoạt động tài chính của đơn vị trong 2 năm

1. Kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 2018 (kèm Phụ lục 01 và 02): Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của Hội đồng nhân dân Thị trấn Khánh Hải về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước Thị trấn Khánh Hải năm 2018, theo đó:

Đơn vị tính: đồng

Quyết toán năm 2018	Đơn vị	Thanh tra	Chênh lệch	Ghi chú
I. Tổng thu	5.496.793.410	5.502.360.654	-5.567.244	
1. Thu chuyển nguồn năm 2017:	9.495.400	15.062.644	-5.567.244	
<i>a. Kết dư chi thường xuyên:</i>	9.495.400	0	9.495.400	
<i>b. Có mục tiêu hết nhiệm vụ chi từ năm 2017 trở về trước</i>	0	15.062.644	-15.062.644	
2. Về thu ngân sách:	5.487.298.010	5.487.298.010	0	
a. Thu ngân sách xã, trong đó:	1.281.287.667	1.281.287.667	0	
- Thu NS đơn vị được chi TX	1.170.593.667	1.114.516.667	56.077.000	
- Thu đơn vị phải tiết kiệm để CCTL	110.694.000	166.771.000	-56.077.000	
b. Huyện cấp bổ sung	4.206.010.343	4.206.010.343	0	
- Bổ sung cân đối	2.859.859.000	2.859.859.000	0	
- Bổ sung có mục tiêu trong năm	1.346.151.343	1.346.151.343	0	
II. Tổng chi ngân sách:	5.449.750.867	5.373.301.417	76.449.450	
1. Chi thường xuyên, trong đó:	4.126.619.117	4.085.069.667	41.549.450	
- Chi TX	4.015.925.117	3.974.375.667	41.549.450	
- Chi CCTL	110.694.000	110.694.000	0	
2. Chi có mục tiêu	1.323.131.750	1.288.231.750	34.900.000	
III. Số dư chuyển năm sau	47.042.543	129.059.237	-82.016.694	
1. Kết dư chi thường xuyên:	24.022.950	0	24.022.950	

2. Nguồn mục tiêu	23.019.593	72.982.237	-49.962.644	
- Chuyển nguồn mục tiêu sửa chữa trụ sở Ninh Chữ 1	23.019.593	23.019.593	0	PL số 08
- Có mục tiêu Hỗ trợ các hộ dân làm mô hình tưới tiết kiệm nước	0	34.900.000	-34.900.000	PL số 08
- Có mục tiêu hết nhiệm vụ chi từ năm 2015-2017	0	15.062.644	-15.062.644	PL số 10, 11 và 12
3. Nguồn CCTL	0	56.077.000	-56.077.000	
+ Nguồn CCTL chuyển sang năm 2020		56.077.000	-56.077.000	

Theo báo cáo quyết toán thu, chi Ngân sách thị trấn năm 2018 đã được xác nhận của kho bạc nhà nước huyện Ninh Hải, số dư Ngân sách năm 2018: 47.042.543 đồng, qua kiểm tra số liệu ngân sách phải còn số tiền 129.059.237 đồng, như vậy chênh lệch thiếu do chi vượt số tiền 82.016.694 đồng.

UBND thị trấn báo cáo cuối năm 2018 kết dư chuyển năm sau số tiền 47.042.543 đồng, trong đó: kết dư chi thường xuyên và chuyển nguồn mục tiêu sửa chữa trụ sở Ninh Chữ 1, nhưng qua kiểm tra số tiền 24.022.950 đồng không phải kết dư chi thường xuyên.

2. Kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 2019 (kèm Phụ lục 03 và 04): chưa ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước Thị trấn Khánh Hải năm 2019, theo đó:

Đơn vị tính: đồng

Quyết toán năm 2019	Đơn vị	Thanh tra	Chênh lệch	Ghi chú
I. Tổng thu	5.300.012.451	5.382.029.145	-82.016.694	
1. Thu chuyển nguồn năm 2018:	47.042.543	129.059.237	-82.016.694	
a. Kết dư chi thường xuyên:	24.022.950	0	24.022.950	
b. Nguồn mục tiêu	23.019.593	72.982.237	-49.962.644	
- Chuyển nguồn mục tiêu sửa chữa trụ sở Ninh Chữ 1	23.019.593	23.019.593	0	
- Có mục tiêu Hỗ trợ các hộ dân làm mô hình tưới tiết kiệm nước	0	34.900.000	-34.900.000	
- Có mục tiêu hết nhiệm vụ chi từ năm 2015-2017	0	15.062.644	-15.062.644	
c. Nguồn CCTL	0	56.077.000	-56.077.000	
+ Nguồn CCTL chuyển sang năm 2020		56.077.000	-56.077.000	
2. Về thu ngân sách:	5.252.969.908	5.252.969.908	0	
a. Thu ngân sách xã:	1.309.565.918	1.309.565.918	0	

- Thu NS đơn vị được chi TX	1.271.251.918	1.253.488.918	17.763.000	
- CCTL đơn vị phải tiết kiệm trong năm	38.314.000	56.077.000	-17.763.000	
b. Huyện cấp bổ sung	3.943.403.990	3.943.403.990	0	
- <i>Bổ sung cân đối, trong đó:</i>	<i>3.312.652.000</i>	<i>3.312.652.000</i>	<i>0</i>	
+ Chi TX	3.228.176.000	3.228.176.000	0	
+ Thu CCTL	84.476.000	84.476.000	0	
- <i>Bổ sung có mục tiêu trong năm</i>	<i>630.751.990</i>	<i>630.751.990</i>	<i>0</i>	
II. Tổng chi ngân sách:	5.289.919.812	5.201.522.153	88.397.659	
1. Chi thường xuyên, trong đó:	4.659.167.822	4.660.531.918	-1.364.096	
- Chi TX, trong đó:	4.536.377.822	4.537.741.918	-1.364.096	
- Chi CCTL	122.790.000	122.790.000	0	
2. Chi có mục tiêu	630.751.990	540.990.235	89.761.755	
III. Số dư chuyển năm sau	10.092.639	180.506.992	-170.414.353	
1. Kết dư chi thường xuyên:	10.092.639	0	10.092.639	
2. Nguồn mục tiêu	0	162.743.992	-162.743.992	
+ Chuyển nguồn mục tiêu chính lý tài liệu tồn đọng năm 2019	0	64.564.276	-64.564.276	PL số 09
+ Có mục tiêu hết nhiệm vụ chi từ năm 2015-2017	0	15.062.644	-15.062.644	PL số 10, 11 và 12
+ Có mục tiêu Hỗ trợ các hộ dân làm mô hình tưới tiết kiệm nước năm 2018	0	34.900.000	-34.900.000	PL số 08
+ Có mục tiêu hết nhiệm vụ chi năm 2019		48.217.072	-48.217.072	PL số 08 và 09
3. Nguồn CCTL		17.763.000	-17.763.000	
+ Nguồn CCTL chuyển sang năm 2020		17.763.000	-17.763.000	

Theo báo cáo quyết toán thu, chi Ngân sách thị trấn năm 2019 đã được xác nhận của kho bạc nhà nước huyện Ninh Hải, số dư Ngân sách năm 2019: 10.092.639 đồng, qua kiểm tra số liệu do đơn vị cung cấp, ngân sách phải còn số dư 180.506.992 đồng, như vậy chênh lệch thiếu do chi vượt số tiền 170.414.353 đồng.

UBND thị trấn báo cáo cuối năm 2019 kết dư chuyển năm sau số tiền 10.092.639 đồng, là kết dư chi thường xuyên, nhưng qua kiểm tra số tiền 10.092.639 đồng không phải kết dư chi thường xuyên, mà kết dư từ nguồn mục tiêu còn nhiệm vụ chi.

II. Nhận xét tình hình hoạt động tài chính đơn vị

Nhận xét chung: UBND thị trấn có cố gắng trong công tác quản lý tài chính, ngân sách, cụ thể: mở sổ sách theo dõi thu, chi từ nguồn ngân sách đúng theo quy định; các

ng nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn vị phản ánh kịp thời, chứng từ rõ ràng tiện việc kiểm tra, đối chiếu. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng chi tiết để thực hiện. Về công khai tài chính được niêm yết tại UBND thị trấn theo Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Tuy nhiên, qua kiểm tra chứng từ và các hồ sơ có liên quan tại UBND thị trấn vẫn còn một số hạn chế tồn tại như sau:

1. Việc chấp hành chế độ, quản lý thu – chi năm 2018 – 2019:

1.1. Quy chế chi tiêu nội bộ:

UBND thị trấn hàng năm ban hành và kịp thời bổ sung các quy định đã được thay thế, bổ sung, điều chỉnh trong quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, UBND thị trấn đã không bám sát Khoản 9, Điều 3, Chương 2 của Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

Một số nội dung quy định chi, mức chi chưa đúng quy định hiện hành, cụ thể:

- CBCC trực lễ, tết được chấm công làm thêm giờ là không đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Nội dung chi tiếp khách chưa bổ sung kịp thời theo quy định tại Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh.

- Chưa quy định mức chi: khen thưởng cho các giải thi đấu TDTT phong trào tại địa phương, chi bồi dưỡng tổ tham gia cường chế.

- Đối với chi khoán công tác phí theo tháng, việc thực hiện chi cho tất cả công chức, chuyên trách là chưa đúng theo quy định tại Điều 6, Chương II, Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Chấp hành chế độ chính sách về chi thường xuyên: Qua kiểm tra nhận thấy đơn vị chưa chấp hành chế độ, định mức chi một số nội dung như sau:

- Đối với chi bồi dưỡng trực lễ, tết: Thanh toán theo chế độ làm việc ngoài giờ là không phù hợp tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, số tiền 52.758.588 đồng (trong đó: năm 2018 số tiền 24.260.588 đồng và năm 2019 số tiền: 28.498.000 đồng);

- Chi khen thưởng trong hội thao: UBND thị trấn đã thực hiện chi giải thưởng (giải nhất, giải nhì, giải ba) cho cá nhân có thành tích trong hội thao do UBND thị trấn tổ chức theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng là không có cơ sở,

H.C.N
SỞ
CHÍNH
NINH T

số tiền 3.300.000 đồng.

- Chi thanh toán về “giới thiệu tiềm năng thế mạnh của thị trấn Khánh Hải” số tiền 7.500.000đ, phiếu chi không kèm chứng từ thể hiện nội dung “giới thiệu tiềm năng...”, ngày 05/5/2020 UBND thị trấn có văn bản số 112/UBND-KT về việc giải trình và đã cung cấp bổ sung chứng từ;

- Chi mua quà tặng các chùa trên địa bàn, số tiền 2.400.000đ, không kèm danh sách hoặc giấy mời dự là chưa đủ chứng từ để chi.

- Thanh toán tạm ứng số tiền 64.500.000đ (tương ứng 50% giá trị hợp đồng số 01 ký ngày 13/6/2019 về chỉnh lý tài liệu lưu trữ). Tại thời điểm thanh tra, công tác chỉnh lý tài liệu lưu trữ theo Hợp đồng đã thực hiện 50% khối lượng, nhưng hóa đơn tài chính do bên B cung cấp là đã thực hiện xong khối lượng theo Hợp đồng.

- Phiếu chi số 03/10, số tiền: 3.425.000đ, trong đó hóa đơn tài chính có số tiền 1.425.000 đồng không ghi ngày tháng năm là không hợp lệ.

- Chi thanh toán đào tạo nghề nông thôn, nghề “Chứng chỉ máy trưởng tàu cá Hạng II” số tiền 37.200.000đ, chứng từ thanh toán kèm chi tiết lịch giảng dạy cho khóa đào tạo là 90 tiết học. Căn cứ Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Tại Phụ lục 3 Danh mục các nghề trình độ sơ cấp và DNTX dưới 3 tháng, trong đó Ngành nghề đào tạo tại Điểm C – Thương mại dịch vụ, chi đào tạo nghề:

- + Thuyền, Máy trưởng hạng 4 – số tiết giảng dạy 148 tiết;
- + Thuyền, Máy trưởng hạng 5 – số tiết giảng dạy 90 tiết;
- + Thuyền, Máy trưởng hạng nhỏ – số tiết giảng dạy 45 tiết;
- + Thuyền viên đi biển – số tiết giảng dạy 32 tiết.

Mặt khác, thực hiện Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND huyện Ninh Hải về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019, trong đó phân bổ thị trấn Khánh Hải đào tạo nghề “Thuyền, Máy trưởng hạng 4”. Như vậy, với thời lượng giảng dạy 90 tiết học mà cấp chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng II là không đúng hạng nghề đào tạo của huyện giao.

2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ công, phí dịch vụ và khác năm 2018, 2019:

UBND thị trấn thực hiện thu, quản lý và sử dụng quỹ công, phí dịch vụ và khác là Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Các quỹ, phí dịch vụ này đơn vị nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc. (kèm phụ lục số 05 và 06)

3. Việc cho thuê tài sản:

3.1. Cho thuê đất dự phòng

Việc thực hiện cho thuê đất dự phòng UBND thị trấn ban hành Quyết định số 168/2010/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 về việc ban hành quy chế đấu giá cho thuê đất

công ích trên địa bàn thị trấn Khánh Hải và Quyết định số 169/2010/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 về việc phê duyệt phương án đấu giá cho thuê đất công ích trên địa bàn thị trấn Khánh Hải.

Về cơ bản UBND thị trấn thực hiện đúng quy định, tuy nhiên quy chế đấu giá và phương án đấu giá chưa thay đổi bổ sung phần căn cứ các văn bản hiện hành (như: Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Quyết định số 76/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận,...).

3.2. Cho thuê tài sản (vietGap đầu tư cho thị trấn) trên đất hộ dân

Căn cứ văn bản số 62b/DAQSEAP ngày 09/12/2013 của Ban Quản lý dự án QSEAP thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo chấp nhận yêu cầu của địa phương đối với địa điểm xây dựng nhà sơ chế cho Tiêu dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn theo VietGAP tại thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 03/01/2014, UBND thị trấn (đại diện ông Phạm Ngọc Thương) ký với bà Đinh Thị Tô Loan Hợp đồng số 01.1/HĐGV-KT Góp vốn bằng Quyền sử dụng đất. Nội dung hợp đồng có nêu, thời hạn: lâu dài trong trường hợp việc kinh doanh thuận lợi, nếu không hiệu quả thì thời hạn ít nhất là 10 (mười) năm. Việc ký kết hợp đồng góp vốn bằng Quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Tô Loan làm cơ sở cho Ban Quản lý dự án QSEAP tiến hành xây dựng nhà sơ chế.

Sau khi nhận bàn giao công trình hoàn thành (31/12/2014) UBND thị trấn quản lý và vận hành theo Văn bản số 5716/UBND-QHXD ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh. Đến tháng 3/2018, UBND thị trấn (ông Phạm Ngọc Thương – Chủ tịch làm đại diện) ký với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hưng Phát Ninh Thuận (ông Đồng Dương Khoản – Tổng Giám đốc làm đại diện) các Hợp đồng số 31/2018/HĐTNX ngày 16/3/2018 (21 tháng từ 16/3/2018 đến ngày 31/12/2019) và Hợp đồng số 01/2020/HĐTNX ngày 01/01/2020 (24 tháng từ 01/01/2020 đến ngày 01/01/2022), cho thuê nhà sơ chế do Ban Quản lý dự án QSEAP bàn giao, giá trị 2 Hợp đồng cùng số tiền 6.300.000 đồng/toàn thời gian Hợp đồng. Việc ký Hợp đồng cho thuê lại tài sản không thực hiện đấu giá.

Qua thu thập thêm hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể sau: văn bản số 5716/UBND-QHXD ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương bàn giao công trình xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất nho an toàn tại xã Nhơn Sơn, thị trấn Khánh Hải và phường Văn Hải cho các địa phương tiếp nhận đưa vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng; Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt quyết toán công trình; Biên bản nghiệm thu ngày 19/12/2014; biên bản bàn giao, tiếp nhận công trình (01 biên bản cơ sở hạ tầng vùng sản xuất nho an toàn, 01 biên bản hệ thống điện phục vụ) cho UBND thị trấn Khánh Hải ngày 9/12/2014; biên bản vận động các hộ dân nhường đất mở rộng đường ngày 12/12/2013; biên bản thỏa thuận giao đất xây dựng nhà sơ chế ngày 24/12/2013.

Từ các cơ sở này cho thấy UBND thị trấn Khánh Hải không thực hiện một số nội dung sau:

- Không quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản theo khoản 1, Điều 11 Quyết định 06/2010/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh v/v phân cấp quản lý đối với tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Ninh Thuận;

- Không đưa vào theo dõi ghi tăng tài sản giá trị 13.691.394.726 đồng công trình Tiểu dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn Khánh Hải theo Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh;

- Không triển khai thực hiện văn bản số 5716/UBND-QHXD ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh, giao UBND thị trấn Khánh Hải có trách nhiệm “tiếp nhận các công trình tại địa phương mình quản lý, vận hành sử dụng theo đúng quy định.” và văn bản số 62b/DAQSEAP ngày 09/12/2013 của Ban Quản lý dự án QSEAP thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mà UBND thị trấn Khánh Hải lại thực hiện việc cho thuê tài sản (nhà sơ chế);

- Trong quá trình quản lý, vận hành sử dụng nhà sơ chế nho an toàn, UBND thị trấn không báo cáo kết quả cho UBND huyện biết để chỉ đạo.

Mặt khác, UBND thị trấn Khánh Hải là đơn vị hành chính, không phải là đơn vị sự nghiệp vì vậy không thuộc thẩm quyền cho thuê tài sản và cũng không thực hiện đấu giá cho thuê tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Thu tiền ký quỹ

Từ năm 2017, UBND Thị trấn Khánh Hải thực hiện việc thu tiền ký quỹ (nộp vào Quỹ tạm giữ) do các hộ dân xây nhà trái phép trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp, nhưng chưa có cơ quan cấp thẩm quyền quy định và cho phép thu, nhưng UBND Thị trấn Khánh Hải tự đặt ra khoản thu ký quỹ, số tiền nộp ký quỹ sẽ trả lại khi hộ gia đình có Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất của cơ quan thuế khu vực Ninh Hải – Thuận Bắc. Tổng số tiền thu của các hộ từ 2017 đến thời điểm ngày 26/3/2020 có 18 hộ dân, đóng ký quỹ số tiền: 522.200.000 đồng.

Đến thời điểm ngày 26/3/2020, số tiền 342.200.000 đồng gửi tại Kho bạc Nhà nước (trong đó: năm 2017 có 02 hộ, số tiền 45.000.000 đồng; năm 2018 có 03 hộ, số tiền 85.000.000 đồng; năm 2019 có 05 hộ, số tiền 161.500.000 đồng; từ đầu năm 2020 thời điểm ngày 26/3/2020 có 02 hộ, số tiền 50.700.000 đồng đến nay chưa chuyển trả vì chưa có Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất của cơ quan thuế).

Hiện nay, 10/12 hộ dân trên đã hoàn thành việc xây nhà trái phép trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp. Qua đó cho thấy UBND Thị trấn tự ý đặt ra khoản tiền ký quỹ với dân là không đúng quy định của Pháp luật, tạo điều kiện hợp thức hóa việc xây dựng nhà trái phép trên đất sản xuất của dân gây khó khăn trong công tác quản lý trật

tự xây dựng đô thị trên địa bàn. Chưa thực hiện đúng quy định công tác quản lý xây dựng trên địa bàn và cũng chưa có phương án giải quyết số tiền ký quỹ của các hộ dân trên. (kèm phụ lục số 07)

5. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản tại UBND thị trấn Khánh Hải:

UBND thị trấn chưa có sổ Tài sản cố định; có sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng, nhưng chưa phản ánh kịp thời các nghiệp vụ phát sinh, cụ thể:

- Chưa thực hiện việc theo dõi giá trị tài sản là giá trị quyền sử dụng đất của trụ sở UBND thị trấn và 09 trụ sở thôn;

- Không đưa vào theo dõi ghi tăng tài sản giá trị 13.691.394.726 đồng công trình Tiểu dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn Khánh Hải.

6. Về sửa chữa Trụ sở và nạo vét mương:

UBND Thị trấn thực hiện đầu tư ban đầu, đã được quyết toán và hoàn thành thanh toán công trình sửa chữa Trụ sở và các công trình nạo vét mương thoát nước về cơ bản thực hiện đúng quy định, cụ thể:

Năm 2018, nguồn bổ sung có mục tiêu quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 26/9/2018, số tiền 58.598.000 đồng. Thực hiện Nạo vét mương thoát nước dọc bờ kè đầm Nại, theo đó dự toán, quyết toán và thanh toán số tiền 58.598.000 đồng. Tại Hợp đồng số 01/11/HĐ-NVM ngày 19/11/2018 giữa UBND thị trấn và bà Nguyễn Thị Kim Anh, tại điểm a, Điều 2 Giá trị hợp đồng có ghi bao gồm có thuế giá trị gia tăng, nhưng hóa đơn bán hàng bà Nguyễn Thị Kim Anh xuất không có thuế giá trị gia tăng, ngày 04/5/2020 Chi Cục thuế khu vực Ninh Hải – Thuận Bắc có văn bản số 312/CCT-NVQLT xác nhận bà Nguyễn Thị Kim Anh có đóng bổ sung khoản thuế GTGT theo quy định.

Trong năm 2019: Nguồn bổ sung có mục tiêu theo quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 để thực hiện Nạo vét mương thoát nước từ Đài liệt sĩ huyện đến trụ Sở BQL Khu phố Khánh Tân và Sửa chữa trụ sở khu phố Ninh Chữ 1, số tiền 247.000.000 đồng, thực hiện:

+ Sửa chữa trụ sở khu phố Ninh Chữ 1, với quyết toán và thanh toán, số tiền: 212.228.400 đồng;

+ Làm đan đập mương thoát nước từ Đài Liệt sĩ đến KP Khánh Tân, số tiền: 28.065.135 đồng;

+ Hết nhiệm vụ chi còn số tiền: 6.706.465 đồng.

C. KẾT LUẬN:

Nhìn chung, UBND thị trấn có cố gắng trong công tác kế toán, sổ kế toán đầy đủ, phản ánh và quyết toán các nguồn kinh phí của đơn vị kịp thời, đúng quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được UBND thị trấn xây dựng và thực hiện. Công khai tài chính được



niêm yết theo Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại UBND thị trấn còn một số tồn tại sau:

1. Việc chấp hành chế độ, quản lý thu – chi năm 2018 – 2019:

1.1. Quy chế chi tiêu nội bộ:

UBND thị trấn đã không bám sát Khoản 9, Điều 3, Chương 2 của Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ. Một số nội dung quy định chi, mức chi chưa đúng quy định hiện hành, cụ thể:

- CBCC trực lễ, tết được chấm công làm thêm giờ là không đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Nội dung chi tiếp khách chưa bổ sung kịp thời theo quy định tại Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh.

- Chưa quy định mức chi: khen thưởng cho các giải thi đấu TDTT phong trào tại địa phương, chi bồi dưỡng tổ tham gia cưỡng chế.

- Đối với chi khoán công tác phí theo tháng, việc thực hiện chi cho tất cả công chức, chuyên trách là chưa đúng theo quy định tại Điều 6, Chương II, Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Chấp hành chế độ chính sách về chi thường xuyên: UBND thị trấn chưa chấp hành chế độ, định mức chi một số nội dung như sau:

- Chi bồi dưỡng trực lễ, tết thanh toán theo chế độ làm việc ngoài giờ; chi khen thưởng hội thao phong trào vận dụng các văn bản chi khen thưởng hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng; mua hàng kèm Hóa đơn tài chính không ghi ngày tháng năm; Chi mua quà tặng không kèm danh sách hoặc giấy mời, tổng số tiền 59.883.588 đồng;

- Thanh toán tạm ứng số tiền 64.500.000đ cho công tác chỉnh lý tài liệu lưu trữ theo Hợp đồng đã thực hiện 50% khối lượng, nhưng hóa đơn tài chính do bên B cung cấp là đã thực hiện xong khối lượng theo Hợp đồng;

- Thanh toán đào tạo nghề nông thôn, nghề “Chứng chỉ máy trưởng tàu cá Hạng II” là không đúng hạng nghề đào tạo của huyện phân bổ và không đúng số tiết quy định.

2. Việc cho thuê tài sản:

2.1. Cho thuê đất dự phòng

Về quy trình, cơ bản UBND thị trấn thực hiện đúng quy định, tuy nhiên quy chế

đấu giá và phương án đấu giá chưa thay đổi bổ sung phân căn cứ các văn bản mới hiệu lực (như: Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Quyết định số 76/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận,...).

2.2. Cho thuê tài sản (vietGap đầu tư cho thị trấn) trên đất hộ dân

Từ các cơ sở trên cho thấy UBND thị trấn Khánh Hải không thực hiện một số nội dung, như sau:

- Không quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản theo khoản 1, Điều 11 Quyết định 06/2010/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh v/v phân cấp quản lý đối với tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Không đưa vào theo dõi ghi tăng tài sản giá trị 13.691.394.726 đồng công trình Tiểu dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn Khánh Hải theo Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh;

- UBND thị trấn Khánh Hải chưa triển khai thực hiện Văn bản số 5716/UBND-QHXD ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh, giao UBND thị trấn Khánh Hải có trách nhiệm “tiếp nhận các công trình tại địa phương mình quản lý, vận hành sử dụng theo đúng quy định.” và văn bản số 62b/DAQSEAP ngày 09/12/2013 của Ban Quản lý dự án QSEAP thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sau khi nhận bàn giao công trình đưa vào hoạt động, UBND thị trấn không có văn bản báo cáo kết quả việc quản lý, vận hành sử dụng nhà sơ chế nho an toàn (từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2017), để UBND huyện biết, chỉ đạo. Song, UBND thị trấn Khánh Hải lại thực hiện việc cho thuê tài sản (nhà sơ chế) số tiền 6.300.000 đồng/trong thời gian 21 tháng theo Hợp đồng (lần 1) và cho thuê tài sản (nhà sơ chế) số tiền 6.300.000 đồng/trong thời gian 24 tháng theo Hợp đồng (lần 2).

Mặt khác, UBND thị trấn Khánh Hải là đơn vị hành chính, không phải là đơn vị sự nghiệp vì vậy không thuộc thẩm quyền cho thuê tài sản và cũng không thực hiện đấu giá cho thuê tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Thu tiền ký quỹ

Từ năm 2017, UBND Thị trấn Khánh Hải thực hiện việc thu tiền ký quỹ (nộp vào Quỹ tạm giữ) do các hộ dân xây nhà trái phép trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp, nhưng chưa có cơ quan cấp thẩm quyền quy định và cho phép thu. UBND Thị trấn Khánh Hải tự đặt ra khoản thu ký quỹ là không đúng.

Cụ thể: từ 2017 đến thời điểm ngày 26/3/2020 có 18 hộ dân xây nhà trái phép, đóng ký quỹ số tiền: 522.200.000 đồng. Đến thời điểm ngày 26/3/2020, số tiền ký quỹ còn là 342.200.000 đồng (của 12 hộ) gửi tại Kho bạc Nhà nước.

Hiện nay, 10/12 hộ dân trên đã hoàn thành việc xây nhà trái phép trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp. Qua đó cho thấy UBND Thị trấn tự ý đặt ra khoản tiền ký

quỹ với dân là không đúng quy định của Pháp luật, tạo điều kiện hợp thức hóa việc xây dựng nhà trái phép trên đất sản xuất của dân gây khó khăn trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn. Chưa thực hiện đúng quy định công tác quản lý xây dựng trên địa bàn và cũng chưa có phương án giải quyết số tiền ký quỹ của các hộ dân trên.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản tại UBND thị trấn Khánh Hải:

UBND thị trấn chưa có sổ Tài sản cố định; có sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng, nhưng chưa phản ánh kịp thời các nghiệp vụ phát sinh;

Chưa thực hiện việc theo dõi giá trị tài sản là giá trị quyền sử dụng đất của Trụ sở UBND thị trấn và 09 trụ sở thôn. Chưa theo dõi ghi tăng tài sản giá trị 13.691.394.726 đồng công trình Tiểu dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng.

5. Về sửa chữa Trụ sở và nạo vét mương:

UBND Thị trấn thực hiện đầu tư ban đầu, đã được quyết toán và hoàn thành thanh toán công trình sửa chữa Trụ sở và các công trình nạo vét mương thoát nước về cơ bản thực hiện đúng quy định, cụ thể:

Năm 2019, thực hiện Nạo vét mương thoát nước từ Đài liệt sĩ huyện đến trụ Sở BQL Khu phố Khánh Tân và Sửa chữa trụ sở khu phố Ninh Chữ 1, số tiền 247.000.000 đồng, quyết toán và thanh toán số tiền 240.293.535 đồng, hết nhiệm vụ chi còn số tiền: 6.706.465 đồng.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị đối với UBND thị trấn

1. Kiến nghị xử lý về tài chính, đề nghị UBND thị trấn

Hoàn trả ngân sách huyện từ nguồn mục tiêu hết nhiệm vụ chi số tiền 98.179.716 đồng, cụ thể:

+ Từ năm 2015-2017, số tiền: 15.062.644 đồng (*chi tiết phụ lục số 10, 11, 12*);

+ Năm 2018, số tiền: 34.900.000 đồng (*chi tiết phụ lục số 01*);

+ Năm 2019, số tiền: 48.217.072 đồng (*chi tiết phụ lục số 01, 02*).

2. Kiến nghị xử lý khác, đề nghị UBND thị trấn khắc phục và thực hiện những nội dung sau:

2.1. Quản lý ngân sách thị trấn và các hoạt động tài chính khác của thị trấn áp dụng đúng theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thực hiện công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã theo hướng dẫn tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính;

2.2. Đề nghị Chủ tịch UBND thị trấn chấn chỉnh công tác quản lý tài chính kế toán, lưu ý công tác kiểm tra, quản lý và bảo quản chứng từ kế toán, việc mở sổ và ghi chép vào sổ kế toán phải thực hiện đúng quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn;

2.3. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ gồm các định mức chi theo quy định hiện hành, song các mức chi chưa được quy định nhưng xét thấy cần thiết cho hoạt động của thị trấn thì tùy theo tình hình tài chính ngân sách, Chủ tịch UBND thị trấn quyết định đưa vào Quy chế mức chi cho phù hợp để tiện việc kiểm tra, giám sát;

2.4. Quy chế đấu giá và phương án đấu giá bổ sung phần căn cứ các văn bản hiện hành cho phù hợp thời điểm thực hiện việc tổ chức đấu giá cho thuê đất dự phòng;

2.5. Xác định giá trị quyền sử dụng đất, để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, theo quy định tại Điều 100 và 104; thực hiện quản lý hồ sơ tài sản đúng theo quy định tại Điều 129 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;

2.6. Mở sổ tài sản cố định theo Mẫu số: S11-X ban hành kèm theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và đưa tài sản vào theo dõi đúng theo Quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hiệu lực ngày 02/7/2018;

2.7. Báo cáo UBND huyện Ninh Hải có phương án xử lý đối với các hộ dân trên đất sản xuất, đất nông nghiệp trái phép. Hoàn trả ngay tiền ký quỹ cho 12 hộ dân do các hộ dân xây nhà trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp, số tiền 342.200.000 đồng; đồng thời UBND thị trấn thực hiện đúng quy định công tác quản lý xây dựng trên địa bàn;

2.8. Tiết kiệm chi các khoản hoạt động thường xuyên để tiếp tục thực hiện chính lý tài liệu tồn đọng 50% khối lượng công việc mà UBND huyện đã giao nhiệm vụ và kinh phí, số tiền 64.564.276 đồng; và hoàn trả số tiền 17.763.000 đồng kinh phí cải cách tiền lương đã chi không đúng mục đích.

II. Đối với Hội đồng nhân dân thị trấn:

1. Tăng cường công tác giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động tài chính ngân sách của thị trấn đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Tham gia giám sát các công trình do UBND thị trấn làm chủ đầu tư trên địa bàn; giám sát đối với các nguồn để thanh toán các công trình và các nhiệm vụ có mục tiêu.

III. Kiến nghị đối với Đảng ủy, UBND thị trấn

Kiểm điểm đối với các cá nhân liên quan đến nội dung sai phạm nêu trên, cá nhân cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Loan, nguyên kế toán thị trấn (từ 6/2019 trở về trước) tham mưu quản lý điều hành chi quản lý hành chính và chi từ nguồn có mục tiêu sai quy định;

Bà Vũ Thị Ngọc Tuyết, Kế toán (từ 6/2019 đến nay), do thiếu kinh nghiệm và

C.N.V.
Đ
CHÍNH
INH THỊ

chưa chặt chẽ trong công tác quản lý chi.

IV. Kiến nghị đối với Ủy ban nhân dân huyện

1. Chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch huyện

1.1. Ban hành Thông báo thu hồi số tiền 98.179.716 đồng nộp vào ngân sách huyện từ nguồn mục tiêu hết nhiệm vụ chi, từ năm 2015 đến cuối 2019;

1.2. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn UBND xã/thị trấn tổ chức thực hiện đúng quy định về chế độ quản lý tài chính – kế toán và quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời chấn chỉnh kịp thời các hạn chế nhằm để hỗ trợ thực hiện tốt các quy định hiện hành;

1.3. Kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn mục tiêu mà UBND huyện đã giao nhiệm vụ và kinh phí (cụ thể việc chỉnh lý tài liệu tồn đọng 50% khối lượng công việc).

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh: kiểm tra, hướng dẫn UBND thị trấn Khánh Hải quản lý, vận hành sử dụng Tiểu dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn Khánh Hải (cụ thể nhà sơ chế nho an toàn) theo đúng quy định tại Văn bản số 5716/UBND-QHXS ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh.

3. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân có liên quan, cụ thể:

3.1. Ông Phạm Ngọc Thương (Chủ tịch UBND thị trấn), chịu trách nhiệm chính:

3.1.1. Công tác lãnh chỉ đạo công tác kế toán – tài chính để xảy ra tình trạng thiếu chứng từ kế toán; hóa đơn tài chính không ghi ngày, tháng; áp dụng văn bản chỉ không đúng quy định;

3.1.2. Công tác phối hợp tổ chức đào tạo nghề nông thôn không đúng hạng nghề đào tạo của huyện phân bổ, số tiết đào tạo không phù hợp hạng nghề đào tạo;

3.1.3. Chỉ đạo thu tiền ký quỹ do các hộ dân xây nhà trái phép trên đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp khi không có quy định của cấp có thẩm quyền;

3.1.4. Nguồn mục tiêu chỉnh lý tài liệu năm 2019, chưa thực hiện xong theo hợp đồng đã sử dụng vào mục đích khác số tiền 64.564.276 đồng;

3.1.5. Số dư từ nguồn mục tiêu hết nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện chuyển trả ngân sách huyện số tiền 98.179.716 đồng đã sử dụng vào mục đích khác, và sử dụng không đúng mục đích từ kết dư nguồn cải cách tiền lương là 17.763.000 đồng;

3.1.6. Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nho an toàn: Không quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản; không đưa vào theo dõi ghi tăng tài sản giá trị 13.691.394.726 đồng; thực hiện việc cho thuê tài sản (nhà sơ chế) khi chưa có báo cáo xin ý kiến từ UBND huyện.

3.2. Phòng Tài chính – kế hoạch huyện

- Việc thẩm tra quyết toán kinh phí có mục tiêu hết nhiệm vụ chi chưa chặt chẽ, dẫn đến số dư từ nguồn có mục tiêu chi sai quy định;

- Chưa theo dõi, hướng dẫn chặt chẽ đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL theo qui định tại Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân thị trấn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; Báo cáo
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Ninh Hải;
- UBND thị trấn Khánh Hải;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, HSTT, TTV

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 1325/KL-STC ngày 08/15/2020 của Sở Tài chính)



Phụ lục 01

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND huyện giao	Dự toán HĐND xã quyết định	Dự toán UBND xã giao	Thực hiện	Thực hiện % so với			Ghi chú
						Huyện giao	HĐND Q.Định	UBND giao	
I	Các khoản thu từ thuế	925.000.000	925.000.000	925.000.000	912.116.682	93,46	93,46	93,46	
1	Thuế môn bài								
2	Thuế GTGT	350.000.000	350.000.000	350.000.000	291.584.220	83,31	83,31	83,31	
3	Thuế TNCN	490.000.000	490.000.000	490.000.000	553.687.575	108,92	108,92	108,92	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (nhà đất)	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.029.887	100,6	100,6	100,6	
5	Thuế tài nguyên								
6	Thuế khác								
7	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	80.000.000	80.000.000	80.000.000	81.815.000	112,56	112,56	112,56	
II	Các khoản thu từ xã	335.000.000	335.000.000	335.000.000	369.170.985	110,20	110,20	110,20	
1	Phí, lệ phí	205.000.000	205.000.000	205.000.000	222.105.000	108,34	108,34	108,34	
1,1	Phí chứng thực, công chứng, hộ tịch	105.000.000	105.000.000	105.000.000	114.480.000	109,03	109,03	109,03	
1,2	Phí lệ đường bến bãi	100.000.000	100.000.000	100.000.000	107.625.000	107,63	107,63	107,63	
1,3	Phí chợ								
2	Thu từ cho thuê quỹ đất công ích	100.000.000	100.000.000	100.000.000	104.756.985	104,76	104,76	104,76	
3	Thu phạt vi phạm hành chính	20.000.000	20.000.000	20.000.000	30.949.000	154,75	154,75	154,75	
4	Thu quỹ quốc phòng								
5	Thu khác (cho thuê 01 ki ốt)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	11.360.000	113,6	113,6	113,6	
III	Thu bổ sung từ ngân sách	2.958.667.000	2.958.667.000	2.958.667.000	4.206.010.343				
1	Bổ sung cân đối	2.958.667.000	2.958.667.000	2.958.667.000	2.859.859.000				
2	Bổ sung có mục tiêu trong năm				1.346.151.343				
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước				9.495.400				

5.1.9	Hội người cao tuổi								
5.1.10	Thú y								
5.1.11	Y tế thôn, bản								
5.1.12	Quan hệ khác								
5.1.13	Người có công cách mạng								
5.1.14	Hoạt động xã hội khác	163.122.000	163.122.000	163.122.000	1.098.647.524	673,6	673,6	673,6	
5,2	Đảng	128.275.000	128.275.000	128.275.000	137.149.301	106,92	106,92	106,92	
5,3	Mặt trận tổ quốc	10.000.000	10.000.000	10.000.000	3.600.000	36	36	36	
5,4	Đoàn thanh niên CSHCM	10.000.000	10.000.000	10.000.000	11.163.000	111,63	111,63	111,63	
5,5	Hội phụ nữ việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	13.205.000	132,05	132,05	132,05	
5,6	Hội cựu chiến binh việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	5.950.000	59,50	59,50	59,50	
5,7	Hội nông dân việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	13.980.000	139,80	139,80	139,80	
III	Dự phòng	80.758.000	80.758.000	80.758.000					
IV	Chi khác	68.688.000	68.688.000	68.688.000					

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 2019

(Kèm theo **SỐ** quyết định số 1325/KL-STC ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính)

DVT: Đồng

S T T	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán HĐND xã quyết định	Dự toán UBND xã giao	Thực hiện	Thực hiện % so với			Ghi chú
						Huyện giao	HĐND Q.Định	UBND giao	
I	Các khoản thu từ thuế	940.000.000	940.000.000	940.000.000	936.697.585	99,7	99,7	99,7	
1	Thuế môn bài								
2	Thuế GTGT	300.000.000	300.000.000	300.000.000	290.100.465	96,70	96,70	96,70	
3	Thuế TNCN	560.000.000	560.000.000	560.000.000	533.535.069	95,27	95,27	95,27	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (nhà đất)				15.012.051				
5	Thuế tài nguyên								
6	Thuế khác				300				
7	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	80.000.000	80.000.000	80.000.000	97.750.000	122,19	122,19	122,19	
II	Các khoản thu từ xã	360.000.000	360.000.000	360.000.000	372.868.333	103,57	103,57	103,57	
1	Phí, lệ phí	230.000.000	230.000.000	230.000.000	206.878.000	89,95	89,95	89,95	
1,1	Phí chứng thực, công chứng, hộ tịch	130.000.000	130.000.000	130.000.000	99.271.000	76,36	76,36	76,36	
1,2	Phí lệ đường bến bãi	100.000.000	100.000.000	100.000.000	107.607.000	107,61	107,61	107,61	
1,3	Phí chợ								
2	Thu từ cho thuê quỹ đất công ích	100.000.000	100.000.000	100.000.000	105.835.333	105,84	105,84	105,84	
3	Thu phạt vi phạm hành chính	20.000.000	20.000.000	20.000.000	50.955.000	254,78	254,78	254,78	
4	Thu quỹ quốc phòng								
5	Thu khác (cho thuê 02 ki ốt)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	9.200.000	92	92	92	
III	Thu bổ sung từ ngân sách	3.323.302.000	3.323.302.000	3.323.302.000	3.943.403.990				
1	Bổ sung cân đối	3.323.302.000	3.323.302.000	3.323.302.000	3.312.652.000				
2	Bổ sung có mục tiêu trong năm				630.751.990				
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước				47.042.543				

5.1.11	Y tế thôn, bản								
5.1.12	Quan hệ khác								
5.1.13	Người có công cách mạng								
5.1.14	Hoạt động xã hội khác	84.348.000	84.348.000	84.348.000	85.768.580	101,68	101,68	101,68	
5,2	Đảng	158.128.000	158.128.000	158.128.000	98.701.622	62,42	62,42	62,42	
5,3	Mặt trận tổ quốc	10.000.000	10.000.000	10.000.000	20.700.000	207	207	207	
5,4	Đoàn thanh niên CSHCM	10.000.000	10.000.000	10.000.000	69.838.000	698,38	698,38	698,38	
5,5	Hội phụ nữ việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	16.927.000	169,27	169,27	169,27	
5,6	Hội cựu chiến binh việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	8.164.000	81,64	81,64	81,64	
5,7	Hội nông dân việt nam	10.000.000	10.000.000	10.000.000	6.490.000	64,9	64,9	64,9	
...	...								
III	Dự phòng	92.021.000	92.021.000	92.021.000					
IV	Chi khác	41.437.000	41.437.000	41.437.000					

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ CÔNG CHUYÊN DỤNG CỦA THỊ TRẤN NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số 132/KL-STC ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính)



ĐVT: Đồng

S T T	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tổng thu	Tổng chi	Còn lại
I	Tài khoản số: 3722.0.9056551				
	Quỹ khuyến học	647.000	14.830.000	3.901.000	11.576.000
II	Tài khoản số: 3949.0.1007857				
	Quỹ tạm giữ (tiền xây nhà trái phép)	75.000.000	215.000.000	120.000.000	170.000.000
III	Tài khoản số: 3722.0.9057063.91099				
	Quỹ Hội chữ thập đỏ	1.000.000			1.000.000
IV	Tài khoản số: 3722.0.9085337				
	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	24.896.000	20.760.000	10.500.000	35.156.000
V	Tài khoản số: 3722.0.9056556				
	Quỹ bảo trợ trẻ em	3.061.000	18.100.000	6.110.000	15.051.000
VI	Tài khoản số: 3723.0.1007857				
1	Tiền Nạo vét mương (Tiền khác)		56.219.146		56.219.146
2	Tiền Cho thuê nhà xưởng (Tiền khác)		6.300.000		6.300.000
3	Tiền gửi khác (Sử dụng đất -trích của VP ĐK)	12.106.500	91.762.900	72.483.000	31.386.400
4	Tiền gửi khác (Tiền điện hộ nghèo)	0	276.000		276.000
5	Tiền gửi khác (Phí đường bộ + ATGT)	1.298.900			1.298.900
6	Tiền gửi khác (Thuế chân phí chợ)	19.600.000			19.600.000
7	Tiền gửi khác (Kinh phí bầu cử + Tiền đền bù)	10.779.000			10.779.000
8	Tiền gửi khác (xây nhà CM)		1.440.000.000	1.440.000.000	0
9	Tiền gửi khác (Phí VSMT và phí chợ)		1.658.776.310	1.559.154.110	99.622.200
	cộng VI	43.784.400	3.253.334.356	3.071.637.110	225.481.646
VII	Tiền mặt	32.772.934	58.764.700	87.810.870	3.726.764
	Kinh phí Đảng	6.009.934	58.764.700	61.047.870	3.726.764

		26.763.000	0	26.763.000	0
Tiền gửi khác (Sử dụng đất -trích của VP ĐK)		26.487.000		26.487.000	0
Tiền gửi khác (Tiền điện hộ nghèo)		276.000		276.000	0
Tổng cộng		181.161.334	3.580.789.056	3.299.958.980	461.991.410

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ CÔNG CHUYÊN DỤNG CỦA THỊ TRẤN NĂM 2019

Phục lục 06

(Kèm theo Kết luận số 1325/KL-STC ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính)



STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tổng thu	Tổng chi	Còn lại
ĐVT: Đồng					
I	Tài khoản số: 3722.0.9056551				
	Quỹ khuyến học	11.576.000	12.285.000	13.367.000	10.494.000
II	Tài khoản số: 3949.0.1007857				
	Quỹ tạm giữ (tiền xây nhà trái phép)	170.000.000	181.500.000	60.000.000	291.500.000
III	Tài khoản số: 3722.0.9057063.91099				
	Quỹ Hội chữ thập đỏ	1.000.000	0		1.000.000
IV	Tài khoản số: 3722.0.9085337				
	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	35.156.000	19.520.000	9.800.000	44.876.000
V	Tài khoản số: 3761.0.9056556.91012				
	Quỹ bảo trợ trẻ em		50.000		50.000
VI	Tài khoản số: 3722.0.9056556				
	Quỹ bảo trợ trẻ em	15.051.000	13.600.000	10.350.000	18.301.000
VII	Tài khoản số: 3723.0.1007857				
1	Tiền Nạo vét mương (Tiền khác)	56.219.146	0	56.219.146	0
2	Tiền Cho thuê nhà xưởng (Tiền khác)	6.300.000			6.300.000
3	Bà Vũ Thị Thuận (Tiền khác)		4.800.000	4.800.000	0
4	Lập Bảo hiểm YT(Hộ nghèo, cận nghèo)		14.634.000	14.634.000	0
5	Hỗ trợ tuân tra QL, bảo vệ cây xanh		1.500.000		1.500.000
6	Tiền gửi khác (Sử dụng đất -trích của VP ĐK)	31.386.400	123.575.200	68.250.000	86.711.600
7	Tiền gửi khác (Tiền điện hộ nghèo)	276.000	191.262.822	186.657.000	4.881.822
8	Tiền gửi khác (Phí đường bộ + ATGT)	1.298.900	2.780.000		4.078.900
9	Tiền gửi khác (Thuế thân phí chợ)	19.600.000	15.000.000	15.000.000	19.600.000
10	Tiền gửi khác (Kinh phí bầu cử + Tiền đền bù)	10.779.000			10.779.000
11	Tiền gửi khác (xây nhà CM)	0			0
12	Tiền gửi khác (Phí VSMT và phí chợ)	99.622.200	848.687.704	927.656.500	20.653.404

	cộng VIII	225.481.646	1.202.239.726	1.273.216.646	154.504.726
	Tiền mặt	3.726.764	68.181.000	45.603.900	26.303.864
	Kinh phí Đảng	3.726.764	68.181.000	45.603.900	26.303.864
	Tổng cộng	461.991.410	1.497.375.726	1.412.337.546	547.029.590

DANH SÁCH THEO DÔI TIỀN KÝ QUỸ
(Kèm theo Quyết định số 325/KL-STC ngày 08 / 5 /2020 của Sở Tài chính)

STT	NĂM NỘP	HỌ VÀ TÊN	NỘP TIỀN KÝ QUỸ	RÚT TIỀN KÝ QUỸ	SỐ TÒN	GHI CHÚ
1	2017	LÊ HUY HIẾU	35.000.000		35.000.000	45.000.000
2	2017	LƯƠNG VĂN LUÔNG	10.000.000		10.000.000	
3	2017	LÊ VĂN DŨNG	30.000.000	30.000.000	-	
4	2018	TRƯƠNG VĂN HUY	40.000.000	40.000.000	-	
5	2018	VŨ XUÂN BÌNH	40.000.000	40.000.000	-	
6	2018	ĐOÀN KHÉO	25.000.000	25.000.000	-	
7	2018	ĐẶNG NGỌC THỐNG	13.000.000		13.000.000	
8	2018	ĐỖ NGỌC HÂN	25.000.000	25.000.000	-	
9	2018	LÊ NỮ ĐOAN TRÂM	60.000.000		60.000.000	
10	2018	ĐẶNG NGỌC THANH	12.000.000		12.000.000	85.000.000
11	2019	NGUYỄN NHỰT	40.000.000		40.000.000	
12	2019	LÊ LƯỢNG	30.000.000		30.000.000	
13	2019	NGUYỄN VĂN ĐỨC	26.250.000		26.250.000	
14	2019	TRẦN VĂN ĐẦY	20.000.000	20.000.000	-	
15	2019	TRẦN THỊ THẢO LY	47.250.000		47.250.000	
16	2019	NGUYỄN VĂN NAM	18.000.000		18.000.000	161.500.000
17	2020	TRẦN LY	35.700.000		35.700.000	
18	2020	NGUYỄN VĂN LY	15.000.000		15.000.000	50.700.000
			522.200.000	180.000.000	342.200.000	

TÌNH HÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2018

(Kèm theo Kết luận số 1325/KL-STC ngày 08/15/2020 của Sở Tài chính)

ST T	DIỄN GIẢI	TỔNG SỐ			Ghi chú
		THU	CHI	TÒN	
	Năm trước chuyển sang			15.062.644	
1	Bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm Misa năm 2018	7.000.000	7.000.000	0	QĐ số 512/QĐ-UBND ngày 11/05/2018
2	Bổ sung kinh phí sửa chữa nhà người có công CM	640.000.000	500.000.000	140.000.000	QĐ số 523/QĐ-UBND ngày 15/12/2018
3	Ghi tăng điều chỉnh chi trả kinh phí, sửa chữa nhà cho người có công cách mạng	500.000.000	500.000.000	0	
4	Ghi giảm dự toán chuyển cho cấp trên	-140.000.000		-140.000.000	
5	Bổ sung kinh phí dự án nâng cao năng lực giám sát giảm nghèo bền vững	1.500.000	1.500.000	0	QĐ số 728/QĐ-UBND ngày 14/6/2018
6	Bổ sung kinh phí nạo vét mương thoát nước dọc bờ kè đầm Nai	58.598.000	58.598.000	0	QĐ số 1121/QĐ-UBND ngày 26/9/2018
7	Bổ sung kinh phí sửa chữa trụ sở Ninh Chữ 1	23.019.593		23.019.593	QĐ số 1455/QĐ-UBND ngày 09/11/2018
8	Bổ sung kinh phí đào tạo nghề và mô hình tưới tiết kiệm nước cây nho, Cỏ năm 2018	185.000.000	150.100.000	34.900.000	QĐ số 1518/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 QĐ số 1548/QĐ-UBND ngày 03/12/2018
9	Ghi giảm dự toán chuyển cho cấp trên	-15.500.000		-15.500.000	QĐ số 158/QĐ-UBND ngày 23/11/2018
10	Kinh phí tưới tiết kiệm nước và đào tạo nghề	185.000.000		185.000.000	
11	Ghi giảm dự toán chuyển cho cấp trên	-19.400.000		-19.400.000	QĐ số 156/QĐ-UBND ngày 22/11/2018
12	Kinh phí bổ sung tiền điện hộ nghèo	53.188.000		53.188.000	
13	Ghi giảm tiền điện hộ nghèo	-53.188.000		-53.188.000	
14	Ghi giảm kinh phí tưới tiết kiệm nước và đào tạo nghề	-150.100.000		-150.100.000	
15	Bổ sung kinh phí bí thư tăng cường	56.940.750	56.940.750	0	
16	Kinh phí quà người cao tuổi	14.093.000	14.093.000	0	
	TỔNG CỘNG	1.346.151.343	1.288.231.750	72.982.237	
	SỐ DƯ CUỐI KỲ			72.982.237	

TÌNH HÌNH BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU NĂM 2019
(Kèm theo Kế hoạch số 1325/KL-STC ngày 08/15/2020 của Sở Tài chính)



ST T	DIỄN GIẢI	TỔNG SỐ			Ghi chú
		THU	CHI	TÓN	
	Năm trước chuyển sang			72.982.237	
1	Bổ sung kinh phí giám sát và tuyên truyền giảm nghèo	4.000.000	4.000.000	0	QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 19/3/2019
2	Bổ sung kinh phí giám sát công tác giảm nghèo	1.500.000		1.500.000	QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 19/3/2019
3	Bổ sung kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng năm 2019	129.064.276	64.500.000	64.564.276	QĐ số 374/QĐ-UBND ngày 17/4/2014
4	Bổ sung kinh phí diễn tập năm 2019	70.000.000	69.198.000	802.000	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 2/4/2019
5	Bổ sung kinh phí làm VSMT khu vực biển Ninh Chữ	31.000.000	30.145.000	855.000	QĐ số 461/QĐ-UBND ngày 03/5/2019
6	Bổ sung kinh phí duy trì, cải thiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	3.000.000	3.000.000	0	QĐ số 468/QĐ-UBND ngày 06/5/2019
7	Bổ sung kinh phí cắm mốc quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2016-2025	14.650.714	14.616.700	34.014	QĐ số 776/QĐ-UBND ngày 17/7/2019
8	Bổ sung kinh phí nạo vét mương thoát nước từ Đài liệt sĩ đến trụ sở BQL KP Khánh Tân và sửa chữa trụ sở khu phố Ninh Chữ 1	247.000.000		6.706.465	QĐ số 843/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
	sửa chữa trụ sở khu phố Ninh Chữ 1		212.228.400		
	Chi làm đôn đôn đập mương thoát nước từ Đài liệt sĩ đến trụ sở BQL KP Khánh Tân và		28.065.135		
9	Bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm Misa	3.000.000	3.000.000	0	QĐ số 1152/QĐ-UBND ngày 24/10/2019
10	Bổ sung kinh phí trang bị xe đẩy rác	60.000.000	60.000.000	0	QĐ số 1124/QĐ-UBND ngày 22/10/2019
11	Bổ sung kinh phí thực hiện đào tạo nghề lao động nông thôn 2019	52.500.000	37.200.000	15.300.000	QĐ số 1129/QĐ-UBND ngày 22/10/2019
12	Bổ sung kinh phí trang bị máy vi tính và máy in cho công an	15.037.000	15.037.000	0	QĐ số 1374/QĐ-UBND ngày 09/12/2019
	TỔNG CỘNG	630.751.990	540.990.235	162.743.992	
	SỐ DƯ CUỐI KỲ			162.743.992	

TÌNH HÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2015

(Kèm theo Kết luận số 4325/KL-STC ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính)

STT	DIỄN GIẢI	TỔNG SỐ			Ghi chú
		THU	CHI	TỒN	
	<u>Số dư đầu kỳ</u>				
1	Kinh phí lắp đặt thùng máy	25.000.000	29.324.000	-4.324.000	QĐ số 1866 ngày 03/08/2015
2	Kinh phí hỗ trợ người dân làm lúa	19.000.000	19.000.000	0	QĐ số 2016 ngày 24/08/2015
3	Kinh phí cải cách tiền lương	26.741.184	26.741.184	0	QĐ số 1723 ngày 02/7/2015
4	Kinh phí thăm tặng quà người cao tuổi	55.300.000	55.865.000	-565.000	QĐ số 80 ngày 26/01/2015
5	Kinh phí bí thư tăng cường	13.800.000	13.800.000	0	QĐ số 2250 ngày 01/10/2015
6	Kinh phí Đại hội Đảng	62.450.000	62.472.000	-22.000	QĐ số 729 ngày 03/4/2015
7	Kinh phí Iso	3.000.000	3.000.000	0	QĐ số 747 ngày 9/4/2015
8	Kinh phí đo đạc kiểm kê đất	7.662.000	1.256.895	6.405.105	QĐ số 2216 ngày 21/9/2015
9	Kinh phí mương dài liệt sĩ và chợ Ninh Chữ	221.217.709		221.217.709	QĐ số 2694 ngày 11/12/2015
10	Hỗ trợ người dân sản xuất lúa 2012, 2013	40.158.803	26.383.850	13.774.953	QĐ số 137 ngày 05/12/2015
11	Trả trả cấp trên		1.081.000		
12	Trả trả cấp trên		12.693.853		
	<u>TỔNG CỘNG</u>	474.329.696	251.617.782		
	<u>SỐ DƯ CUỐI KỲ</u>			222.711.914	

TÍNH HISH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2016

(Kèm theo Kế hoạch Tài chính số 7/2016-CT/UBND tỉnh Ninh Thuận KL-STC ngày 08/15/2020 của Sở Tài chính)

ST T	DIỄN GIẢI	TỔNG SỐ			Ghi chú
		THU	CHI	TỔN	
	Số dư đầu kỳ			222.711.914	
1	Chuyển trả sửa chữa hệ thống thoát nước bê tông mương đài liệt sĩ		105.633.000	117.078.914	
2	Thanh toán tiền nạng cấp sửa chữa chợ Ninh Chữ		107.274.000	9.804.914	
3	Chi công tác kiểm kê đất lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất		6.328.000	3.476.914	
4	Kinh phí thăm tặng quà người cao tuổi	43.600.000	43.285.000	315.000	QĐ số 880/QĐ-UBND ngày 27/07/2016
5	Kinh phí HĐND	5.082.000	5.082.000	0	QĐ số 1289/QĐ-UBND ngày 31/10/2016
6	Kinh phí BHXH không chuyên trách	19.592.160	19.592.160	0	QĐ số 1028/QĐ-UBND ngày 30/08/2016
7	Kinh phí bầu cử đợt 1	89.390.000			QĐ số 536/QĐ-UBND ngày 17/05/2016
8	Kinh phí bầu cử đợt 2	16.000.000	106.388.000	-998.000	QĐ số 1129/QĐ-UBND ngày 27/09/2016
9	Kinh phí tặng thêm không chuyên trách	37.753.560	37.753.560	0	QĐ số 875/QĐ-UBND ngày 27/07/2016
10	Kinh phí Iso	3.000.000	3.000.000	0	QĐ số 256/QĐ-UBND ngày 22/03/2016
11	Kinh phí đường bê tông	61.985.443		61.985.443	QĐ số 1602/QĐ-UBND ngày 20/12/2016
12	Kinh phí phụ cấp hội đặt thù	82.800.000	82.800.000	0	
13	Kinh phí BHXH không chuyên và Bí thư tăng cường	13.473.240			
14	Kinh phí lương Bí thư tăng cường	3.450.000	16.923.240	0	
15	Kinh Phí đào tạo nghề	42.000.000			QĐ số 1707 ngày 30/12/2016
16	Chi chuyển trả tiền đào tạo nghề		24.000.000		
17	Chi chuyển nguồn sang năm sau		18.000.000		
	TỔNG CỘNG	418.126.403	576.058.960		
	SỐ DƯ CUỐI KỲ			64.779.357	

TÌNH HÌNH BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU NĂM 2017

(Kèm theo Kết luận số 132 5/KL-STC ngày 08 / 5 /2020 của Sở Tài chính)

ST T	DIỄN GIẢI	TỔNG SỐ			Ghi chú
		THU	CHI	TỔN	
	Số dư đầu kỳ			64.779.357	
1	Chuyển trả làm bê tông hẻm bên hông nhà ông Phạm Ngọc Mỹ gò Ông táo		58.680.716	6.098.641	
2	Bổ sung kinh phí thăm tặng quà người cao tuổi	16.721.000	16.721.000	0	QĐ số 338/QĐ-UBND ngày 20/4/2017
3	Bổ sung kinh phí Iso	3.000.000	3.000.000	0	
4	Bổ sung kinh phí trang bị xe đẩy rác	48.000.000	48.000.000	0	QĐ số 682/QĐ-UBND ngày 12/7/2017
5	Bổ sung kinh phí lắp đặt tên đường và tên hẻm	29.430.000	29.429.997	3	QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 20/7/2017
6	Bổ sung kinh phí nạo vét mương thoát nước	68.148.000	59.584.000	8.564.000	QĐ số 891/QĐ-UBND ngày 12/9/2017
7	Bổ sung kinh phí đào tạo nghề	45.000.000	45.000.000	0	QĐ số 1018/QĐ-UBND ngày 09/10/2017
8	Bổ sung kinh phí hòa giải viên quy I+II+III	1.800.000	1.400.000	400.000	QĐ số 1019/QĐ-UBND ngày 10/10/2017
9	Bổ sung kinh phí hòa giải viên quy IV	800.000	800.000	0	QĐ số 1429/QĐ-UBND ngày 20/12/2017
10	Phụ cấp bí thư tăng cường	15.060.000	15.060.000	0	
	TỔNG CỘNG	227.959.000	277.675.713		
	SỐ DƯ CUỐI KỲ			15.062.644	